

QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN VÀ BẠO LỰC MẠNG: PHÂN TÍCH PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN TẠI VIỆT NAM

Phan Thị Cẩm Lai

Trường Đại học Đồng Nai

Email: phanngocan1008@gmail.com

(Ngày nhận bài: 3/3/2025, ngày nhận bài chỉnh sửa: 17/3/2025, ngày duyệt đăng: 22/5/2025)

TÓM TẮT

Quyền tự do ngôn luận là một trong những quyền cơ bản của con người, nhưng trong bối cảnh không gian mạng phát triển mạnh mẽ, quyền này đang bị thách thức bởi tình trạng bạo lực mạng gia tăng. Nghiên cứu này nhằm đánh giá mối quan hệ giữa quyền tự do ngôn luận và bạo lực mạng, từ đó đề xuất giải pháp nhằm cân bằng giữa bảo vệ quyền con người và kiểm soát hành vi xâm phạm trên không gian mạng. Để thực hiện nghiên cứu, tác giả đã sử dụng các phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu để đánh giá mức độ ảnh hưởng của bạo lực mạng đến quyền tự do ngôn luận. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù quyền tự do ngôn luận được pháp luật bảo vệ, nhưng việc lạm dụng quyền này để tấn công, bôi nhọ danh dự cá nhân trên không gian mạng đang đặt ra nhiều thách thức pháp lý và xã hội. Đồng thời, các biện pháp kiểm soát nội dung trên mạng cũng có nguy cơ xâm phạm quyền tự do ngôn luận nếu không được thực hiện hợp lý. Từ đó, nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường biện pháp bảo vệ nạn nhân của bạo lực mạng, đồng thời đảm bảo rằng quyền tự do ngôn luận không bị hạn chế một cách tùy tiện.

Từ khóa: *Quyền con người, quyền tự do ngôn luận, bạo lực mạng*

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế chung, việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người là một vấn đề nhân quyền quan trọng, luôn được Nhà nước Việt Nam quan tâm và bảo đảm. Quyền con người cùng với các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã được quy định đầy đủ trong Chương II của Hiến pháp 2013 và cụ thể hóa thông qua nhiều văn bản pháp luật liên quan như luật hành chính, luật hình sự, luật dân sự, luật lao động, luật tố tụng, v.v...

Trong bối cảnh xã hội hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, các nền tảng mạng xã hội đã trở nên phổ biến trên phạm vi toàn cầu, kết nối con người từ khắp nơi trên thế giới. Việc truyền tải thông tin thông qua Internet diễn ra nhanh chóng và thuận lợi hơn bao giờ hết, từ đó đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến một trong những quyền

cơ bản của con người: quyền tự do ngôn luận. Đây không chỉ là một quyền cơ bản, mà còn là nhu cầu thiết yếu trong sự tồn tại và phát triển của nhân loại trong thời đại số. Internet đã tạo ra một không gian mở giúp mọi người bày tỏ ý kiến, chia sẻ quan điểm và kết nối với nhau dễ dàng hơn. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển này, bạo lực mạng cũng gia tăng, đe dọa đến sự an toàn và quyền lợi của nhiều cá nhân, tổ chức. Thực tế cho thấy, quyền tự do ngôn luận trên không gian mạng là một trong những quyền dễ bị xâm phạm nhất. Không ít cá nhân đã lợi dụng quyền này để phát tán thông tin sai sự thật, vu khống, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm hoặc xâm phạm đời tư của người khác với mục đích câu “view”, câu “like” hoặc các động cơ cá nhân khác. Để giải quyết tình trạng này, Nhà nước đã ban hành Luật An ninh mạng 2018

nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi lạm dụng quyền tự do ngôn luận để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên không gian mạng.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để cân bằng giữa quyền tự do ngôn luận và việc ngăn chặn bạo lực mạng mà không vi phạm quyền con người. Khi một cá nhân được quyền tự do bày tỏ quan điểm và trình bày ý tưởng dưới mọi hình thức cho phép, đâu là giới hạn để đảm bảo quyền này không xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín và sự an toàn của người khác. Đồng thời, các cơ quan công quyền cần thực thi những biện pháp nào để vừa bảo vệ công dân trước bạo lực mạng, vừa duy trì một không gian trao đổi thông tin công bằng, dân chủ. Nhu cầu xây dựng một môi trường trực tuyến an toàn nhưng không bóp nghẹt tiếng nói cá nhân đang trở thành một thách thức lớn trong bối cảnh hiện nay tại Việt Nam. Việc đảm bảo sự cân bằng giữa quyền con người, quyền tự do ngôn luận và việc xử lý bạo lực mạng vẫn là vấn đề gây tranh luận trong xã hội. Do đó, cần có sự cân nhắc cẩn trọng và chặt chẽ trong quá trình ban hành và thực thi các quy định pháp luật, nhằm bảo đảm vừa bảo vệ quyền tự do cá nhân, vừa duy trì trật tự an ninh xã hội, đồng thời ngăn chặn và xử lý hiệu quả các hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên không gian mạng. Mục đích của nghiên cứu này là phân tích khung pháp lý hiện hành của Việt Nam liên quan đến quyền tự do ngôn luận và vấn đề bạo lực mạng, từ đó đánh giá thực tiễn pháp luật và đưa ra kiến nghị phù hợp nhằm cân bằng giữa bảo vệ quyền con người và kiểm soát hành vi tiêu cực trên không gian mạng.

2. Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Một số nghiên cứu trước đây có liên quan như TS Nguyễn Thanh Bình. (2020). *Một số giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật trên mạng Internet hiện nay*; Phan Thị Hồng. (2021). *Tự do ngôn luận trên môi trường mạng xã hội*; Trần Thị Loan. (2022). *Quyền tự do biểu đạt trong pháp luật nhân quyền quốc tế và pháp luật Việt Nam hiện nay*; ThS. Nguyễn Sơn Tùng. (2023). *Một số vấn đề về quyền riêng tư trong quy định của Luật Báo chí - Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện*; Bùi Lê Hiếu - Nguyễn Hà Phương Anh. (2024). *Giới hạn quyền tự do ngôn luận trên không gian mạng - kinh nghiệm của Trung Quốc, Hàn Quốc và giải pháp hoàn thiện pháp luật tại Việt Nam*; ThS. Nguyễn Thế Anh - Ths. Nguyễn Thị Bảo Trọng. (2024). *Quyền về đời sống riêng tư trên các nền tảng mạng xã hội - góc nhìn từ thực tiễn và pháp lý*;... đã đề cập đến quyền tự do ngôn luận trong bối cảnh pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, cũng như các khía cạnh pháp lý của bạo lực mạng. Trong đó, một số công trình nghiên cứu tập trung vào ảnh hưởng của bạo lực mạng đối với quyền riêng tư và nhân phẩm cá nhân, trong khi các nghiên cứu khác lại xem xét các biện pháp pháp lý nhằm hạn chế tác động tiêu cực của bạo lực mạng. Tuy nhiên, còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu về mối quan hệ giữa quyền tự do ngôn luận và bạo lực mạng trong bối cảnh pháp lý Việt Nam. Do đó, nghiên cứu này sẽ tập trung phân tích cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam về quyền tự do ngôn luận và bạo lực mạng, đánh giá những thách thức và

tác động của bạo lực mạng đối với quyền con người, nêu kiến nghị mang tính pháp lý nhằm bảo vệ quyền tự do ngôn luận mà không làm gia tăng bạo lực mạng

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp phân tích pháp lý, tổng hợp tài liệu, kết hợp với phân tích thực tiễn để đánh giá mức độ ảnh hưởng của bạo lực mạng đến quyền tự do ngôn luận.

3. Nội dung nghiên cứu và thảo luận

3.1. Quyền con người và quyền tự do ngôn luận

Quyền con người là những quyền cơ bản mà tất cả cá nhân đều được hưởng, không phân biệt quốc tịch, chủng tộc, giới tính, tôn giáo hay bất kỳ yếu tố nào khác. Quyền con người bao gồm nhiều khía cạnh quan trọng như quyền sống, quyền tự do cá nhân, quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do tôn giáo, quyền tham gia vào đời sống chính trị - xã hội, v.v... Đây là những giá trị cốt lõi, góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội. Tại Việt Nam, Hiến pháp 2013 đã quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người và quyền công dân, trong đó có quyền tự do ngôn luận, quyền riêng tư và quyền được an toàn trên không gian mạng. Cụ thể, Điều 25 Hiến pháp Việt Nam (2013) quy định: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”.

Quyền tự do ngôn luận là quyền của mỗi cá nhân được tự do bày tỏ ý kiến, quan điểm và truyền đạt thông tin mà không bị cản trở, hạn chế hoặc trừng phạt bởi cơ quan công quyền hay các tổ chức pháp lý khác. Quyền này được công nhận

rộng rãi trong nhiều công ước quốc tế, điển hình như theo Điều 19 của Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (United Nations, 1966), mọi người có quyền tự do bày tỏ ý kiến, tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin, đồng thời nhấn mạnh rằng quyền này có thể bị hạn chế trong những trường hợp nhất định nhằm bảo vệ quyền lợi cá nhân khác và lợi ích cộng đồng; Điều 19 của Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (United Nations, 1948) quy định rằng mọi người đều có quyền tự do bày tỏ ý kiến mà không bị can thiệp, bao gồm quyền tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin bằng bất kỳ phương tiện nào, không phân biệt biên giới.

Tại Việt Nam, quyền tự do ngôn luận được ghi nhận và cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật như: Luật Báo chí năm 2016 quy định chi tiết về quyền tự do báo chí và trách nhiệm của cơ quan báo chí trong việc bảo đảm quyền này (Quốc hội, 2016a); Luật Tiếp cận Thông tin năm 2016 ghi nhận quyền của công dân trong việc tiếp cận thông tin từ cơ quan nhà nước (Quốc hội, 2016b), đã góp phần thực hiện quyền tự do ngôn luận và đảm bảo tính minh bạch.

Quyền con người và quyền tự do ngôn luận có mối quan hệ nội tại chặt chẽ, trong đó quyền tự do ngôn luận là một phần không thể tách rời của quyền con người. Đảm bảo quyền con người đồng nghĩa với việc bảo đảm quyền tự do ngôn luận, tạo nền tảng cho sự phát triển cá nhân, xã hội và bảo vệ nhân phẩm của mỗi con người.

Quyền tự do ngôn luận đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị - xã hội, cho phép công dân được bày tỏ quan điểm cá nhân, tham gia vào các cuộc thảo

luận công khai, tự tin thực thi giám sát quyền lực nhà nước, phản ánh ý kiến về các chính sách, đấu tranh cho quyền và lợi ích hợp pháp; thúc đẩy minh bạch và công bằng xã hội, giúp xã hội phát triển theo hướng dân chủ hơn; góp phần phát triển tri thức, khoa học - công nghệ thông qua việc trao đổi ý tưởng và sáng tạo.

Dù là một quyền cơ bản, quyền tự do ngôn luận không phải là quyền tuyệt đối. Trong thực tế, quyền này có thể bị giới hạn trong một số trường hợp nhất định, đặc biệt khi có sự xung đột với quyền của cá nhân khác hoặc lợi ích cộng đồng. Các quốc gia, bao gồm Việt Nam, có thể giới hạn quyền tự do ngôn luận trong ba trường hợp cụ thể như (1) bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự xã hội: cấm tuyên truyền, kích động bạo lực, khủng bố, phát ngôn thù hận, chia rẽ dân tộc, tôn giáo; (2) bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức: ngăn chặn các hành vi vu khống, xúc phạm, bôi nhọ, phỉ báng hoặc lan truyền thông tin sai sự thật gây hoang mang trong cộng đồng; (3) kiểm soát thông tin sai lệch: đặc biệt là những thông tin về chính trị, kinh tế, y tế, dịch bệnh, và các vấn đề xã hội quan trọng.

Như vậy, quyền tự do ngôn luận là một phần không thể thiếu của quyền con người, có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ các quyền con người khác, thúc đẩy xã hội phát triển dân chủ, công bằng và minh bạch. Tuy nhiên, để đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự xã hội và quyền lợi của cá nhân, tổ chức, quyền này cần được điều chỉnh trong một giới hạn hợp lý. Việc cân bằng giữa tự do ngôn luận và bảo vệ lợi ích chung là một thách thức lớn đối với mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Một hệ thống pháp luật chặt chẽ, minh

bạch, cùng với nhận thức đầy đủ của mỗi cá nhân về trách nhiệm khi thực hiện quyền tự do ngôn luận, sẽ giúp tạo ra một xã hội văn minh, tiến bộ và ổn định.

3.2. Quyền tự do ngôn luận trên môi trường mạng, bạo lực mạng và các hành vi vi phạm quyền tự do ngôn luận

3.2.1. Quyền tự do ngôn luận trên môi trường mạng

Tự do ngôn luận (freedom of speech) là quyền của mỗi cá nhân được tự do biểu đạt, thể hiện và trình bày ý tưởng, quan điểm, tư tưởng của mình mà không bị can thiệp, cản trở hoặc hạn chế một cách tùy tiện và trái pháp luật bởi bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào. Trong thời đại công nghệ số, tự do ngôn luận trên không gian mạng trở thành một phần quan trọng của quyền tự do ngôn luận. Đây là quyền cá nhân được tự do bày tỏ quan điểm, ý kiến, tư tưởng và chia sẻ thông tin thông qua các nền tảng mạng xã hội và ứng dụng công nghệ thông tin. Các dịch vụ này có thể bao gồm công cụ tìm kiếm, lưu trữ, thiết kế, chia sẻ, truyền tải thông tin, cũng như các nền tảng trao đổi trực tuyến như diễn đàn, mạng xã hội, tin nhắn, cuộc gọi, v.v...

Tuy nhiên, cũng giống như quyền tự do ngôn luận nói chung, tự do ngôn luận trên không gian mạng không phải là quyền tuyệt đối. Việc thực hiện quyền này cần tuân thủ theo các quy định pháp luật nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự xã hội và quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác. Điều này có nghĩa là ngôn luận trên không gian mạng có thể bị giới hạn khi nó đe dọa an ninh, kích động bạo lực, lan truyền thông tin sai lệch hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác.

Không gian mạng có những đặc điểm riêng biệt như tính liên kết cao, tính đa phương tiện, khả năng tương tác nhanh, cùng với phạm vi truyền tải và lưu trữ thông tin rộng hơn so với hình thức ngôn luận truyền thống. Đây là một môi trường không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian. Do đó, mọi thông tin, quan điểm hay tư tưởng được đăng tải đều có khả năng lan truyền nhanh chóng và rộng khắp. Điều này khiến mạng xã hội trở thành công cụ hữu ích để chia sẻ thông tin, nhưng cũng đồng thời tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức có mục đích xấu lợi dụng nhằm xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Nói cách khác, trong thời đại công nghệ số phát triển mạnh mẽ, không gian mạng trở thành nền tảng giao tiếp và kết nối thông tin chủ yếu của con người, và tự do ngôn luận trên môi trường mạng trở thành một xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, một số nền tảng mạng xã hội vẫn cho phép người dùng đăng tải nội dung ẩn danh hoặc sử dụng tên hiệu mà không qua kiểm duyệt từ cơ quan có thẩm quyền. Việc này có thể dẫn đến nhiều rủi ro về đạo đức và pháp lý, đặc biệt là khi thông tin được lan truyền thiếu sự kiểm chứng và không có nguồn chính thống.

Chính vì vậy, quyền tự do ngôn luận nói chung và tự do ngôn luận trên không

gian mạng nói riêng cần có cơ chế điều chỉnh phù hợp. Điều này giúp hạn chế những tác động tiêu cực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác, đồng thời đảm bảo trật tự và an ninh xã hội. Tại Việt Nam, pháp luật ghi nhận và bảo đảm quyền tự do ngôn luận nói chung và tự do ngôn luận trên môi trường mạng nói riêng; mọi người không phân biệt độ tuổi, giới tính, dân tộc, nguồn gốc, địa vị... đều có quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt các loại thông tin khác nhau từ văn hóa, nghệ thuật, lịch sử, khoa học, công nghệ, môi trường đến nhiều lĩnh vực khác. Việc ghi nhận quyền này được thể hiện từ văn bản pháp lý có giá trị cao nhất là Hiến pháp Việt Nam tại Điều 25 (Quốc hội, 2013), cho đến các văn bản luật như Luật Công nghệ thông tin (Quốc hội, 2006), Luật Xuất bản (Quốc hội, 2012), Luật Báo chí (Quốc hội, 2016a), Luật Tiếp cận thông tin (Quốc hội, 2016b), Luật An toàn thông tin mạng (Quốc hội, 2015a) và Luật An ninh mạng (Quốc hội, 2018) đều quy định về quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Bảng 1 thống kê, đối chiếu một số quy định pháp luật về quyền tự do ngôn luận và bạo lực mạng ở một số nước Đông Nam Á và Việt Nam.

Bảng 1: Đối chiếu một số quy định pháp luật về quyền tự do ngôn luận và bạo lực mạng ở một số nước Đông Nam Á và Việt Nam

Quốc gia	Tự do ngôn luận (Luật chính)	Giới hạn tự do ngôn luận	Bạo lực mạng (Luật chính)	Xử lý bạo lực mạng
Việt Nam	Điều 25 Hiến pháp 2013 (Quốc hội, 2013)	Bị giới hạn bởi các điều khoản về an ninh quốc gia, chống tin giả, xúc phạm danh dự cá	Luật An ninh mạng (Quốc hội, 2018)	Hành vi bôi nhọ, vu khống, phát tán thông tin sai sự thật có thể bị phạt hành chính

			nhân hoặc kích động bạo lực.		hoặc truy cứu hình sự
Thái Lan	Điều 34 -Hiến pháp (The National Assembly of Thailand, (2017b)		Bị hạn chế bởi luật chống phi bạo hoàng gia (Luật Khi quân).	Luật Tội phạm Máy tính (The National Assembly of Thailand, 2017a) và Điều 112- Bộ luật Hình sự (The National Assembly of Thailand, 1956)	Các hành vi quấy rối trực tuyến, đăng tải nội dung sai sự thật hoặc tấn công cá nhân trên mạng có thể bị phạt lên đến 5 năm tù hoặc phạt tiền.
Indonesia	Điều 28 -Hiến pháp (MPR of Indonesia, 1999)		Bị giới hạn bởi các luật chống bôi nhọ, vu khống, tội phạm mạng và tin giả.	Luật Thông tin và Giao dịch Điện tử (Dewan Perwakilan Rakyat of Indonesia, 2016)	Xử phạt hành vi phi bạo, đe dọa, phát tán tin giả trên mạng với mức phạt có thể lên đến 6 năm tù hoặc 1 tỷ IDR (khoảng 65.000 USD)
Malaysia	Điều 10 - Hiến pháp (Federal Legislative Council of the Federation of Malaya, 1957)		Bị hạn chế liên quan đến chống phá nhà nước, sắc tộc, tôn giáo.	Luật Truyền thông và Đa phương tiện (Parliament of Malaysia ,1998) và Đạo luật Tội phạm Máy tính (Parliament of Malaysia, 1997)	Xử lý hành vi quấy rối, đe dọa hoặc phát tán tin giả với mức phạt 50.000 RM (11.000 USD) hoặc 1 năm tù.
Philippines	Mục 4 -Điều III - Hiến pháp (Constitutional Commission of the Philippine, 1987)		Bị giới hạn với các nội dung phi bạo, quấy rối hoặc kích động bạo lực.	Luật Chống Tội phạm Mạng (Congress of the Philippines, 2012)	Xử lý hành vi bắt nạt mạng, vu khống trực tuyến, lừa đảo qua mạng với hình phạt có thể lên đến 12 năm tù hoặc phạt tiền.
Singapore	Điều 14- Hiến pháp		Bị kiểm soát chặt chẽ với quy định hạn chế nội dung	Luật Bảo vệ khỏi Sự Lạm dụng Trực tuyến – POHA	Hình phạt có thể lên đến 5 năm tù hoặc 100.000 SGD

	(Parliament of Singapore, 1965)	kích động thù hận hoặc đe dọa chính trị; bảo vệ người dân khỏi quấy rối trực tuyến, doxxing (công khai thông tin cá nhân) và bạo lực mạng.	(Parliament of Singapore, 2014) và Đạo luật An ninh Công cộng (Parliament of Singapore, 2009)	(~75.000 USD)
Campuchia	Điều 41- Hiến pháp (Constituent Assembly of Cambodia, 1993)	Bị hạn chế bởi các luật chống chống phá nhà nước, tin giả hoặc xúc phạm danh dự	Luật An ninh mạng (Constituent Assembly of Cambodia, 2021)	Tăng cường kiểm soát nội dung trên mạng, xử lý hành vi quấy rối, tin giả và tấn công mạng. Người vi phạm có thể bị phạt tiền hoặc ngồi tù.
Myanmar	Điều 354 - Hiến pháp (State Peace and Development Council, 2008)	Bị kiểm soát chặt chẽ sau cuộc chính biến 2021.	Luật An ninh mạng (State Administration Council – SAC of Myanmar, 2022)	Chính phủ có thể chặn nội dung và xử lý mạnh các hành vi phỉ báng, kích động hoặc phát tán tin giả.

Bảng 1 cho thấy mặc dù các nước đều đảm bảo quyền tự do ngôn luận trong hiến pháp, nhưng quyền này bị giới hạn bởi các điều khoản liên quan đến an ninh quốc gia, chống tin giả, chống phỉ báng hoặc xúc phạm danh dự. Về bạo lực mạng, hầu hết các quốc gia đều có luật chuyên biệt để xử lý hành vi quấy rối, vu khống, phát tán thông tin sai lệch trên mạng. Mức xử phạt dao động từ phạt tiền đến án tù, tùy theo mức độ vi phạm. Một số nước như Singapore, Indonesia và Philippines có mức phạt nặng, có thể lên

đến hàng chục nghìn USD hoặc nhiều năm tù. Nhìn chung, khu vực Đông Nam Á có xu hướng siết chặt quản lý thông tin trên không gian mạng, đặc biệt với các nội dung ảnh hưởng đến an ninh, chính trị và danh dự cá nhân, Việt Nam cũng nằm trong xu hướng đó.

3.2.2. *Thực trạng về tự do ngôn luận trên môi trường mạng, bạo lực mạng và các hành vi vi phạm quyền tự do ngôn luận*

Hiện nay, Việt Nam đang là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng và sử dụng Internet và mạng xã

hội nhanh nhất thế giới. Công nghệ thông tin, trong đó có mạng xã hội đã và đang được sử dụng rộng rãi trong đời sống, sinh hoạt kinh tế - văn hóa - xã hội ở Việt Nam. Nhà nước ta với xu hướng hiện đại hóa cùng chính sách cởi mở đối với lĩnh vực công nghệ thông tin đã tạo điều kiện cho người dân có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng Internet và mạng xã hội, từ đó dần đưa mạng xã hội trở thành một công cụ giao tiếp và truyền đạt thông tin phổ biến và chủ yếu trong xã hội. Những năm gần đây, trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các thông tin trao đổi công tác, nghiệp vụ chủ yếu được truyền tải qua các nền tảng mạng xã hội như facebook, Zalo, v.v... Báo điện tử cũng trở thành một xu thế tất yếu dần thay thế các báo truyền thống. Điều này cho thấy Internet và mạng xã hội đã trở thành một kênh thông tin quan trọng trong đời sống xã hội Việt Nam. Pháp luật Việt Nam không quy định việc cấm mạng xã hội mà chỉ hạn chế những yếu tố tiêu cực do mạng xã hội có thể gây ra như vi phạm thuần phong mỹ tục, đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc

cũng như ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - chính trị của đất nước.

Khi Nhà nước thông qua pháp luật đảm bảo quyền tự do ngôn luận, hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng sôi động, đặc biệt là trên mạng xã hội. Điển hình là các phiên họp của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các nội dung công tác của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội được truyền tải qua mạng xã hội ngày càng nhiều và trở thành kênh thông tin cơ bản. Nhiều chương trình hội nghị, đối thoại, các cuộc tọa đàm, điều tra xã hội học, phản biện các thông tin đa chiều về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước với sự tham gia tích cực của các tổ chức và người dân thông qua các nền tảng mạng xã hội là thực tiễn phổ biến hiện nay ở Việt Nam. Điều này giúp nâng cao tính minh bạch, tạo điều kiện để người dân dễ dàng tiếp cận thông tin chính thống một cách nhanh chóng và hiệu quả.



Hình 1: Bảng thống kê các nền tảng mạng xã hội phổ biến nhất ở Việt Nam hiện nay (Nguồn: Datareportal, 2024)

Tuy nhiên, thực trạng tự do ngôn luận trên không gian mạng thời gian qua đã xuất hiện rất nhiều vấn đề cần phải xem xét điều chỉnh, đặc biệt là hiện

tượng lợi dụng quyền tự do ngôn luận thông qua các nền tảng mạng xã hội để tác động tiêu cực nhằm bôi nhọ danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức,

gây nên những hậu quả nghiêm trọng. Ví dụ như người dùng mạng xã hội đã có phát ngôn thù ghét, gây hấn, công kích nhau trên mạng xã hội; các “fake news” nhằm dẫn dắt, định hướng sai dư luận; lan truyền những thông tin văn hóa đồi trụy, bạo lực, các hành vi xâm phạm quyền riêng tư... Tất cả các hành vi này đều là biểu hiện của sự vượt quá giới hạn của quyền tự do ngôn luận. Hành vi được diễn ra trên không gian ảo, nhưng thiệt hại cho xã hội là thật, rất nhiều hậu quả nghiêm trọng đã xảy ra như báo chí đưa tin về các trường hợp tử tự, trầm cảm, rối loạn cảm xúc và hành vi do chủ thể bị bạo lực mạng.

Bạo lực mạng (cyberbullying/online harassment) bao gồm các hành vi như quấy rối trên mạng, tung tin sai lệch, đe dọa, xúc phạm, tấn công tinh thần, lừa đảo trên không gian mạng. Bạo lực mạng diễn ra thông qua các nền tảng trực tuyến - nơi mà các hành vi như tấn công trực tiếp vào tinh thần, danh dự, hình ảnh, thông tin của cá nhân có thể diễn ra ẩn danh, không bị giới hạn về không gian và thời gian. Nói cách khác, đây là một trong những vấn đề đặc biệt phức tạp, khó kiểm soát vì các hành vi này thường được thực hiện bởi các tài khoản cá nhân ẩn danh hoặc với số đông và lan rộng nhanh chóng qua các nền tảng mạng xã hội với nhiều hình thức từ xúc phạm danh dự, uy tín; đe dọa, khủng bố tinh thần với những lời lẽ gây nên tình trạng hoảng loạn; bắt nạt, quấy rối mạng biểu hiện là sự tấn công cá nhân hoặc nhóm qua các cuộc trò chuyện hoặc bình luận trên mạng xã hội; v.v... Dưới góc độ pháp lý, hành vi bạo lực mạng đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền con người, gây tác hại tiêu cực đến các giá trị văn hóa xã hội Việt Nam. Khi các chủ

thể lợi dụng quyền tự do ngôn luận trên không gian mạng, xâm nhập vào các dữ liệu cá nhân, đánh cắp và lan truyền các thông tin mà không có sự đồng ý của chính chủ, thậm chí trong một vài trường hợp còn sử dụng sức mạnh cộng đồng mạng để chỉ trích, lăng mạ, bôi nhọ danh dự làm tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe tinh thần của nạn nhân.

Các hình thức bạo lực mạng phổ biến ở Việt Nam là: (1) lăng mạ, xúc phạm danh dự, hành vi này thường xuất hiện trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Instagram, Zalo, Tiktok, nơi người dùng có thể công khai phê phán, mỉa mai, hoặc xúc phạm người khác qua các bình luận dưới các bài viết trên trang cá nhân; (2) tấn công thông tin cá nhân bằng hành vi thu thập và phát tán thông tin về cá nhân (tiểu sử, thói quen sinh hoạt, các mối quan hệ xã hội, địa chỉ nhà, nơi làm việc, học tập, v.v...), từ đó xâm phạm nghiêm trọng đến quyền riêng tư của cá nhân, gia đình; (3) quấy rối tình dục trực tuyến mà đối tượng chủ yếu là phụ nữ và trẻ em, thông qua tính năng mở của các hình thức liên lạc trên không gian mạng, các đối tượng gửi tin nhắn tình dục, đe dọa hoặc phát tán hình ảnh, video nhạy cảm của cá nhân mà không được sự cho phép của chủ thể, một vài trường hợp còn lợi dụng để tống tiền hoặc trao đổi tình dục; (4) đưa tin giả và bôi nhọ danh dự bằng các hành vi như phát tán thông tin sai lệch, thông tin chưa được kiểm chứng, xuyên tạc sự thật hoặc bôi nhọ người khác nhằm hạ thấp uy tín cá nhân, tổ chức.

Dù biểu hiện dưới hình thức nào, hành vi bạo lực mạng cũng xâm phạm nghiêm trọng các quyền cơ bản của con người, đặc biệt là quyền được bảo vệ danh dự và nhân phẩm. Điều này được

ghi nhận trong Điều 12 của Tuyên ngôn Nhân quyền Quốc tế (United Nations, 1948): “Mọi người có quyền được bảo vệ khỏi sự can thiệp trái phép vào đời sống cá nhân, gia đình, nhà ở hoặc thư tín của mình, cũng như việc xâm phạm danh dự, uy tín của mình”. Tại Việt Nam, quyền này cũng được quy định trong Hiến pháp (Quốc hội, 2013), cụ thể tại Điều 20:

1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

Ngoài ra, Điều 34 Bộ luật Dân sự (Quốc hội, 2015b) cũng khẳng định: “1. Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ”.

Bên cạnh đó, hành vi phát tán, lan truyền hoặc chia sẻ thông tin, hình ảnh riêng tư của cá nhân, tổ chức trên mạng mà không có sự đồng ý của chính chủ là hành vi xâm phạm quyền riêng tư và quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân (quy định tại Điều 21 Hiến pháp 2013 và Điều 38 Bộ luật Dân sự 2015).

Ở một khía cạnh khác, bạo lực mạng nếu được sử dụng nhằm mục đích chia rẽ dân tộc, vùng miền, tôn giáo, kì thị giới tính, ngành nghề có thể gây ra sự phân biệt đối xử trong xã hội. Điều này không chỉ cản trở quyền tự do tham gia vào các hoạt động xã hội, văn hóa, chính trị mà còn xâm phạm nghiêm trọng quyền bình đẳng của cá nhân và các nhóm cộng đồng.

Theo thống kê từ Cục An toàn Thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2022), trong năm 2021, khoảng

70% người dùng Internet tại Việt Nam đã từng bị quấy rối hoặc tấn công trực tuyến dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm các hành vi phổ biến như: xúc phạm danh dự, rò rỉ thông tin cá nhân, phát tán tin giả, đe dọa, hoặc lạm dụng tình dục qua mạng. Cũng theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, trong năm 2023, các cơ quan chức năng đã xử lý hơn 4.000 vụ vi phạm trên không gian mạng liên quan đến các hành vi bạo lực mạng, bao gồm xúc phạm danh dự, lăng mạ, phát tán thông tin sai lệch, và các hành vi quấy rối khác. Theo báo cáo của Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (Bộ Công an), trong năm 2022 và 2023, lực lượng công an đã xử lý hàng trăm vụ bạo lực mạng liên quan đến việc xúc phạm danh dự, đe dọa, quấy rối qua mạng, trong đó có nhiều vụ bị truy tố và xử lý hình sự.

Thực tế cho thấy, nguyên nhân của bạo lực mạng tại Việt Nam là do tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của các nền tảng mạng xã hội, dẫn đến việc kiểm soát và quản lý của các cơ quan chức năng còn hạn chế, cùng với đó là nhận thức và sự hiểu biết của người dân về các quy định của pháp luật có liên quan chưa đầy đủ, gây ra các hành vi tiêu cực. Người dùng mạng xã hội ở Việt Nam chủ yếu hành xử theo số đông, đu trend, trào lưu, câu view, câu like mà thiếu kiến thức pháp luật, thiếu nhận thức về hậu quả của hành vi trên mạng, không có sự trang bị đầy đủ rõ ràng về tác hại của bạo lực mạng đối với tâm lý và đời sống cá nhân.

Mặt khác, dưới góc độ pháp lý, việc xử lý hành vi bạo lực mạng hiện nay theo pháp luật ở Việt Nam còn nhiều bất cập, chế tài chưa thật sự mang tính răn đe, nghiêm khắc. Mặc dù pháp luật đã có một số quy định về bạo lực mạng, nhưng

việc xử lý vi phạm vẫn chưa thực sự hiệu quả, điều này tạo cơ hội cho các hành vi vi phạm tiếp tục diễn ra và ngày càng nghiêm trọng, gây hậu quả tiêu cực cho xã hội.

3.3. Các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam

Như đã phân tích, quyền tự do ngôn luận trong không gian mạng phải được đặt trong sự cân bằng và tôn trọng các quyền khác, nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự xã hội, sức khỏe và đạo đức cộng đồng, nhưng do đặc thù riêng biệt về phương tiện biểu đạt nên các biện pháp giới hạn đối với quyền này cũng có khác biệt với các biện pháp giới hạn quyền tự do ngôn luận truyền thống.

Hiến pháp 2013 (Quốc hội Việt Nam, 2013) quy định tại khoản 2, Điều 14:

Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Với nguyên tắc này, các quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam không thể bị hạn chế một cách tùy tiện, bao gồm quyền tự do ngôn luận nói chung và quyền tự do ngôn luận trên không gian mạng nói riêng. Tại Việt Nam, việc xử lý bạo lực mạng được quy định trong Luật An ninh mạng (Quốc hội, 2018), Bộ luật Hình sự (Quốc hội, 2015c), cũng như các nghị định liên quan như Nghị định số 15/2020/NĐ-CP (Chính phủ, 2020) xác định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác trên mạng là 1 năm, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (Chính phủ, 2021a) và Nghị định số 147/2024/NĐ-CP (Chính phủ, 2024) yêu cầu người dùng xác thực

tài khoản bằng số điện thoại hoặc giấy tờ tùy thân, các công ty cung cấp dịch vụ phải lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam, đồng thời gỡ bỏ nội dung bị coi là vi phạm trong vòng 24 giờ. Các quy định trong các văn bản này nhằm bảo vệ quyền lợi cá nhân và ngăn chặn hành vi bạo lực trên không gian mạng, nhưng cũng làm dấy lên những lo ngại về sự kiểm soát quá mức sẽ dẫn tới hiện trạng xâm phạm quyền tự do ngôn luận của con người.

Vấn đề xử lý hành vi bạo lực mạng không bao hàm nghĩa tước đoạt quyền tự do ngôn luận của cá nhân mà sự giới hạn những nội dung được truyền tải trên không gian mạng là nhằm bảo vệ quyền lợi của cá nhân và cộng đồng khỏi các hành vi có thể gây tác động tiêu cực và xâm hại. Điều này đòi hỏi các quy định của pháp luật phải xác định cụ thể, rõ ràng những giới hạn cho tự do ngôn luận, ví dụ một người có thể nêu quan điểm của cá nhân về một vấn đề xã hội nào đó, nhưng không được lợi dụng điều đó để vu khống, tấn công tinh thần hay bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tổ chức khác. Khi quy định những giới hạn đó, các biện pháp xử lý cũng cần đặc biệt quan tâm đến bảo vệ nhóm người dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, những nhóm người có tính đặt thù trong khả năng bảo vệ bản thân khỏi tấn công trực tuyến (người hạn chế kỹ năng giao tiếp xã hội, người bệnh tâm lý, LGBT, v.v...)

Trên thực tế, các quốc gia thường giới hạn quyền tự do ngôn luận trên môi trường mạng bằng hai biện pháp: kiểm soát nội dung và kiểm soát việc tiếp cận mạng xã hội. Việt Nam thông qua các quy định của pháp luật, tiếp cận cả hai biện pháp trên.

Việc ban hành Luật An ninh mạng 2018 được xem là một cột mốc quan trọng trong việc cân bằng và kiểm soát việc thực hiện các quyền tự do trong không gian mạng, trong đó có quyền tự do ngôn luận. Cụ thể, đối với việc kiểm soát nội dung thông tin và ý tưởng, theo Điều 16, Điều 17 và Điều 18 của Luật An ninh mạng (Quốc hội, 2018), cá nhân, công dân không được sử dụng quyền tự do ngôn luận để thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm trên môi trường mạng, trong đó, có 9 nhóm hành vi bị cấm có liên quan đến bạo lực mạng bao gồm các hành vi thuộc điểm a, b khoản 3, khoản 5 Điều 16 và khoản 1 Điều 17. Mặt khác, bên cạnh liệt kê các hành vi bị cấm trong Luật An ninh mạng, pháp luật Việt Nam còn quy định yêu cầu các công ty mạng xã hội phải hợp tác với cơ quan chức năng trong việc điều tra và xử lý các hành vi vi phạm, từ đó các cơ quan chức năng ở Việt Nam có căn cứ yêu cầu các nền tảng mạng xã hội chủ động hơn trong việc xây dựng các công cụ báo cáo, cũng như chính sách xử lý các hành vi bạo lực mạng.

Về các biện pháp xử lý đối với hành vi vi phạm, được quy định trong Luật An ninh mạng (Quốc hội, 2018) và Nghị định 15/2020/NĐ-CP (Chính phủ, 2020), đặt ra yêu cầu ngăn chặn, gỡ bỏ các thông tin vi phạm pháp luật hoặc sai sự thật trên không gian mạng, đồng thời quy định các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân và quyền lợi hợp pháp của công dân (Điều 10). Ngoài ra, pháp luật Việt Nam còn quy định những chế tài áp dụng cho các hành vi bạo lực mạng, quy định rõ hành vi vi phạm và mức xử phạt tương ứng, bao gồm phạt hành chính và xử lý hình sự đối với những trường hợp vi phạm nghiêm trọng nhằm vừa bảo đảm

thực hiện quyền tự do ngôn luận trên môi trường mạng của công dân vừa bảo vệ các quyền khác của các cá nhân, tổ chức. Cụ thể Điều 9 Luật An ninh mạng 2018 quy định:

Người nào có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật (Quốc hội, 2018).

Các hành vi liên quan đến bạo lực mạng có thể bị xử lý theo các quy định về tội phạm trong Bộ luật Hình sự (Quốc hội, 2015c) như xúc phạm danh dự, đe dọa, quấy rối, lừa đảo qua mạng, v.v... Cụ thể, đối với các hành vi quấy rối, bôi nhọ danh dự, phát tán tin giả hoặc xâm phạm quyền riêng tư có thể bị xử lý hình sự theo các điều Điều 155 - Tội làm nhục người khác; Điều 156 - Tội vu khống; Điều 159 - Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác; Điều 288 - Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông, v.v... với khung hình phạt có thể lên tới 07 năm tù; ngoài ra, cá nhân vi phạm cũng có thể bị phạt tiền lên đến 500 triệu đồng.

Về xử lý hành chính, các biện pháp bao gồm phạt tiền và yêu cầu gỡ bỏ thông tin sai sự thật. Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 7 của Nghị định 144/2021/NĐ-CP (Chính phủ, 2021b), hành vi khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm, lăng mạ, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác sẽ bị xử phạt từ 2 đến 3 triệu đồng. Tuy nhiên, mức phạt này tương đối nhẹ, chưa mang tính răn đe cao và ngăn chặn hiệu quả hành vi bạo lực mạng. Đối với hành vi lợi dụng

quyền tự do ngôn luận để xúc phạm người khác trên mạng xã hội, mức phạt có thể từ 10 đến 30 triệu đồng theo quy định tại Điều 101 của Nghị định 15/2020/NĐ-CP (Chính phủ, 2020), được sửa đổi bởi Khoản 37 Điều 1 của Nghị định 14/2022/NĐ-CP (Chính phủ, 2022), cụ thể như sau:

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng mạng xã hội để thực hiện một trong các hành vi sau: a) Cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; (...).
2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm dân sự, việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi bạo lực mạng hiện nay theo quy định của Bộ luật Dân sự vẫn mang tính chung và định tính, cụ thể là nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín được quy định tại Điều 34 của Bộ luật Dân sự (Quốc hội, 2015b).

Ngoài các biện pháp xử phạt chính, pháp luật còn quy định các biện pháp khắc phục hậu quả như buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật do thực hiện hành vi bạo lực mạng gây ra.

Tóm lại, pháp luật Việt Nam hiện nay quy định xử lý hành vi bạo lực mạng thông qua nhiều văn bản pháp luật, các hành vi như xúc phạm danh dự, nhân phẩm, vu khống, đe dọa, phát tán thông tin sai sự thật có thể bị xử lý hành chính

hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự với các mức phạt tùy theo mức độ nghiêm trọng. Nhìn chung, pháp luật Việt Nam đã có những quy định cụ thể và chặt chẽ nhằm xử lý hành vi bạo lực mạng, góp phần bảo vệ quyền lợi của cá nhân và giữ gìn trật tự an toàn trên không gian mạng. Tuy nhiên, việc thực thi các quy định này vẫn gặp nhiều thách thức, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chức năng, nền tảng mạng xã hội và người dân để nâng cao nhận thức, tăng cường giám sát và xử lý nghiêm minh các vi phạm, đảm bảo môi trường trực tuyến an toàn, lành mạnh nhưng vẫn tôn trọng quyền tự do ngôn luận.

4. Kết luận và kiến nghị

Như đã phân tích trên, bạo lực mạng là một hành vi vi phạm pháp luật, gây tác hại tiêu cực đến đời sống xã hội, xâm phạm nghiêm trọng quyền con người khác, làm hủy hoại các giá trị văn hóa truyền thống tương thân tương ái, nhân văn của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam thông qua các quy định của pháp luật cũng đã có những biện pháp xử lý đối với hành vi này. Tuy nhiên, hiệu quả của việc xử lý hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều bất cập và thách thức. Dù đã có những nỗ lực ngăn chặn, phòng, chống tình trạng bạo lực mạng từ cơ quan chức năng, nhưng hiện tượng bạo lực mạng vẫn tồn tại và có khuynh hướng ngày càng nghiêm trọng.

Mặc dù Việt Nam đã có những tiến bộ đáng ghi nhận như hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện với Luật An ninh mạng 2018, Nghị định 15/2020/NĐ-CP, và các quy định trong Bộ luật Hình sự giúp kiểm soát các hành vi lạm dụng quyền tự do ngôn luận để kích động bạo lực, bôi nhọ danh dự cá nhân, hay phát tán thông tin sai lệch; các cơ quan chức

năng ngày càng siết chặt quản lý, xử lý mạnh tay những hành vi bạo lực mạng như xúc phạm danh dự, nhân phẩm, đe dọa, tung tin sai sự thật.

Bên cạnh đó, vẫn tồn tại những thách thức như một số quy định cần đảm bảo cân bằng ranh giới giữa tự do ngôn luận hợp pháp và hành vi vi phạm; người dân cần hiểu rõ những giới hạn của quyền tự do ngôn luận để tránh vi phạm pháp luật khi bày tỏ quan điểm trên không gian mạng; các hành vi bạo lực mạng ngày càng được thực hiện dưới nhiều hình thức tinh vi (tấn công ả danh, phát tán thông tin sai lệch trên nhiều nền tảng) nên khó kiểm soát triệt để và việc xử lý các nội dung vi phạm trên mạng xã hội quốc tế (Facebook, YouTube, TikTok) hiện nay vẫn phụ thuộc vào sự hợp tác của các nền tảng này.

Xuất phát một phần nguyên nhân đến từ những hạn chế của pháp luật hiện hành như chưa có một quy định trực tiếp nào mang tính cụ thể về bạo lực mạng trong các văn bản pháp lý có liên quan nên việc xác định hành vi vi phạm và xử lý còn định tính; việc xác định tính chất “nghiêm trọng” để xử lý hình sự chưa rõ ràng, việc xử lý chủ yếu là xử phạt hành chính, mức phạt nhẹ, chưa mang tính răn đe, nghiêm khắc. Mặt khác, quy định về xử lý các tài khoản chưa định danh, tài khoản ảo, tài khoản ả danh vẫn còn hình thức, chưa thật sự chặt chẽ dẫn đến hiện trạng không xử lý được hành vi bạo lực mạng do các chủ thể sử dụng loại tài khoản này gây ra.

Một khía cạnh khác của vấn đề là dù vì mục đích bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cộng đồng, trật tự xã hội, nhưng trong quá trình ngăn chặn và xử lý hành vi bạo lực mạng cũng cần cân nhắc đến nguyên tắc quyền con người về

tự do ngôn luận. Các quy định của pháp luật cần nghiêm khắc nhưng phải đảm bảo tính cân bằng hợp lý giữa bảo vệ quyền cá nhân mà không xâm phạm tự do ngôn luận. Ngăn chặn bạo lực mạng không đồng nghĩa với cấm bày tỏ quan điểm cá nhân trên mạng.

Việc kiểm soát, hạn chế và xử lý hành vi bạo lực mạng phải được đặt trong sự tôn trọng quyền tự do ngôn luận của cá nhân. Các quy định của pháp luật về giới hạn, kiểm duyệt thông tin trên mạng phải được thực hiện minh bạch, rõ ràng, tạo một cơ chế giám sát linh hoạt, kênh phản biện xã hội để tránh tình trạng lạm dụng quyền lực hoặc kiểm soát quá mức mà xâm phạm quyền tự do ngôn luận của con người.

Từ những phân tích trên, đặt ra nhu cầu cần tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc xử lý bạo lực mạng ở Việt Nam với việc quy định đầy đủ, chi tiết hơn về hành vi bạo lực trong môi trường mạng, các chế tài hành chính cần nhất quán mức phạt nghiêm khắc hơn như phạt tiền cao hơn, căn cứ xác định cấu thành tội phạm để xử lý hình sự cần mang tính nhận diện cao, quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do bạo lực mạng cũng cần bổ sung cách thức xác định thiệt hại và mức bồi thường định lượng.

Bên cạnh đó, cần áp dụng quy định chặt chẽ hơn đối với việc lập tài khoản cá nhân trên không gian mạng, nên xử phạt, buộc hủy và nghiêm cấm vĩnh viễn việc sử dụng tài khoản không định danh, tài khoản ảo của cá nhân cũng như quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các nền tảng mạng xã hội và dịch vụ trực tuyến trong phòng, chống bạo lực mạng.

Nhà nước Việt Nam trong nỗ lực duy trì sự cân bằng giữa bảo vệ quyền tự

do ngôn luận và phòng chống bạo lực mạng cần tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng, và tăng cường hợp tác quốc

tế để đảm bảo không gian mạng lành mạnh, an toàn nhưng vẫn đảm bảo quyền tự do bày tỏ ý kiến của công dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Thông tin và Truyền thông. (2022). *Tăng cường an ninh mạng năm 2022*. Truy cập ngày 10/10/2024 từ nguồn <https://mst.gov.vn/tang-cuong-an-ninh-mang-nam-2022-197152605.htm>
- Chính phủ. (2020). *Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử*.
- Chính phủ. (2021a). *Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính*.
- Chính phủ. (2021b). *Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình*.
- Chính phủ. (2022). *Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản*.
- Chính phủ. (2024). *Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng*.
- Constitutional Commission of the Philippines. (1987). *The 1987 Constitution of the Republic of the Philippines*.
- Congress of the Philippines. (2012). *Cybercrime Prevention Act of 2012*.
- Constituent Assembly of Cambodia. (1993). *Constitution of the Kingdom of Cambodia*.
- Constituent Assembly of Cambodia. (2021). *Cybersecurity Law*.
- Cục An ninh mạng. *Thống kê*. Truy cập ngày 11/11/2024 từ nguồn <https://www.facebook.com/@cschd.gov.vn/>
- Datareportal. (2024). Truy cập ngày 10/11/2024 từ nguồn <https://datareportal.com/reports/digital-2024-vietnam>
- Dewan Perwakilan Rakyat (DPR) of Indonesia. (2016). *Electronic Information and Transactions Law (ITE Law)*.
- Federal Legislative Council of the Federation of Malaya. (1957). *Federal Constitution of Malaysia*.
- Majelis Permusyawaratan Rakyat – MPR of Indonesia. (1999). *Constitution of Indonesia*.
- Parliament of Malaysia. (1997). *The Computer Crimes Act 1997*.
- Parliament of Malaysia. (1998). *Communications and Multimedia Act 1998*.
- Parliament of Singapore. (1965). *Constitution of the Republic of Singapore*.
- Parliament of Singapore. (2009). *Public Order Act*.

- Parliament of Singapore. (2014). *Protection from Online Harassment Act (POHA)*.
- Quốc hội. (2006). *Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006*.
- Quốc hội. (2012). *Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012*.
- Quốc hội. (2013). *Hiến pháp ngày 28 tháng 11 năm 2013*.
- Quốc hội. (2015a). *Luật An toàn thông tin ngày 19 tháng 11 năm 2015*.
- Quốc hội. (2015b). *Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*.
- Quốc hội. (2015c). *Bộ luật Hình sự 2015 ngày 27 tháng 11 năm 2015 (sửa đổi 2017)*.
- Quốc hội. (2016a). *Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016*.
- Quốc hội. (2016b). *Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016*.
- Quốc hội. (2018). *Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018*.
- State Peace and Development Council. (2008). *Constitution of the Republic of the Union of Myanmar*.
- State Administration Council – SAC of Myanmar. (2022). *Cybersecurity Law*.
- The National Assembly of Thailand. (1956). *Lèse Majesté Law, Section 112, Criminal Code*.
- The National Assembly of Thailand. (2017a). *Computer Crime Act, B.E. 2560*.
- The National Assembly of Thailand. (2017b). *Constitution of the Kingdom of Thailand*.
- United Nations. (1948). *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR)*.
- United Nations. (1966). *Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR)*.

FREEDOM OF SPEECH, AND CYBER VIOLENCE: LEGAL AND PRACTICAL ANALYSIS IN VIETNAM

Phan Thi Cam Lai

Dong Nai University

Email: phanngocan1008@gmail.com

(Received: 3/3/2025, Revised: 17/3/2025, Accepted for publication: 22/5/2025)

ABSTRACT

Freedom of speech is one of the fundamental human rights; however, in the rapidly evolving digital space, this right is increasingly challenged by the rise of cyber violence. This study aims to assess the relationship between freedom of speech and cyber violence, thereby proposing solutions to balance the protection of human rights and the regulation of harmful behaviors in cyberspace. To conduct this research, the author employs the method of document analysis and synthesis to evaluate the impact of cyber violence on freedom of speech. The research findings indicate that, while freedom of speech is legally protected, the misuse of this right to attack or defame individuals online poses significant legal and social challenges. At the same time, content control measures on the Internet also risk infringing on freedom of speech if not implemented appropriately. Based on these findings, the study proposes recommendations to improve the legal framework, enhance measures to protect victims of cyber violence, and ensure that freedom of speech is not arbitrarily restricted.

Keywords: Human rights, freedom of speech, cyber violence